

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-6-2023
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trường

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Vân Anh

- Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị P, sinh năm 1984 - Vắng mặt đã có đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Thượng xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981 - Vắng mặt (Đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai).

Địa chỉ: Khu Đồng Cạn thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị P đã trình bày có nội dung:

Chị và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên hay cãi chửi nhau, chị đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2012; Sau ly hôn chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Quá trình giải quyết vụ án chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh T không đến Tòa án, khi Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương và gia đình để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật và yêu cầu anh T làm bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải để trình bày quan điểm về việc chị P xin ly hôn nhưng anh T không hợp tác.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T đăng ký hộ khẩu và sinh sống, xác định được anh T đã biết việc chị P đang đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, các giấy tờ của Tòa án liên quan đến việc Tòa án giải quyết việc chị P xin ly hôn anh Thọ đều được tổng đạt cho anh T nhưng anh T không hợp tác làm việc; Qua xác minh tại địa phương xác định được tình cảm vợ chồng chị P và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Thọ cố tình vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T không chấp hành nên Tòa án không tiến hành mở phiên hòa giải được theo quy định của pháp luật đối với các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn không đến Tòa án và không hợp tác để Tòa án giải quyết vụ án cũng như không có mặt tại phiên tòa hôm nay là do bị đơn tự khước từ quyền lợi và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Xử cho chị P được ly hôn anh T; Giao con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị P không yêu cầu); Về tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh T, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết anh T không hợp tác làm việc cố tình lẩn tránh, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 24/5/2023 Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 22/5/2023, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228; Điểm a,b khoản 1 điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, như vậy chị P và anh T kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chị P

và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nay chị P xin ly hôn, anh T không hợp tác để làm việc; Qua xác minh tại địa phương thì thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị P và anh T như chị P trình bày là đúng, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài; Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị P được ly hôn anh T, nên cần xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế tình cảm vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T biết việc chị P khởi kiện đến Tòa án đề nghị giải quyết về việc ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết, mặc dù Tòa án đã báo cho anh T; Như vậy anh T đã từ chối quyền lợi của bản thân, cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên vụ án phải được giải quyết vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Xét thấy chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2012 không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận; Phía anh T không hợp tác làm việc, do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung sau ly hôn nên cần giao cho chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung; Anh T vắng mặt không có quan điểm đề nghị, nếu sau này đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức: Quá trình giải quyết vụ án chị P không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T vắng mặt không có quan điểm đề nghị, nếu sau này đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều, 51 khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1,2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị P được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2012, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đã thành niên. Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Lương Thị P không yêu cầu. Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Lương Thị P cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Nguyễn Hữu T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Lương Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Lương Thị P được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008628 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Chị Lương Thị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND thị trấn Yên Lập. H Yên Lập;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã Ký
Bùi Xuân Trường**